

THAM SỐ KỸ THUẬT/ TECHNICAL DATA

Kiểu/ Model	LGK-40	LGK-60	LGK-70	LGK-100	LGK-120
Thông số kỹ thuật Database					
Điện thế vào Voltage Frequency of Input Power	AC220V ± 15% 50/60HZ	AC380V ± 15% 50/60HZ	AC380V ± 15% 50/60HZ	AC380V ± 15% 50/60HZ	AC380V ± 15% 50/60HZ
Trị số điện năng nguồn vào (KVA) Rated Input Capacity	4 . 8	7 . 9	9 . 5	15	20
Vol. không tải (V) Unloaded voltage	250	260	300	320	320
Dòng ra (A) Range of Output Current	10-40	20-60	20-70	20-70	20-160
Trị số điện áp nguồn ra (V) Rated output voltage	96	104	108	120	128
Chu kỳ tải (%) Load Endurance Rate	60	60	60	60	60
Tiêu thụ điện không tải (W) Unloaded Consumption	40	50	50	100	100
Loại hồ quang Arc Way	tiếp xúc Touch	tiếp xúc Touch	không tiếp xúc Non-touch	không tiếp xúc Non-touch	không tiếp xúc Non-touch
Hiệu suất % Efficiency	85	85	85	85	85
Hệ số điện năng Power Factor η	0 . 93	0 . 93	0 . 93	0 . 93	0 . 93
Cấp cách điện Insulation Class	B	B	B	B	B
Trọng lượng Weight KG	8	18	21	45	45
Kích thước Packing Size mm	450x270x324	585x320x410	650x320x425	685x445x530	685x445x530
Cấp bảo vệ Cover Protected Level	IP21	IP21	IP21	IP21	IP21
Áp lực khí Advised air pressure KG	4	5	5	6	6
Khả năng cắt tối đa Max. cutting thickness mm	10	15	22	35	40